

Bản án số: 1179/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân
2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0544/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chung C (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Phạm Viết Chánh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phạm Viết Chánh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, bản tự khai và các và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là ông Chung C trình bày:

Năm 2007, ông và bà Phạm N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 14/8/2007. Sau khi kết hôn ông và bà N chung sống tại địa chỉ: Phạm Viết Chánh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, ông và bà N chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do tính tình

thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bản thân ông Cg đã cố gắng hàn gắn vì các con nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm N.

Trong quá trình chung sống, ông và bà Ngọc có hai con chung tên Chung T, sinh ngày 11/10/2008, Chung P, sinh ngày 04/11/2011. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Phạm N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C khai ông và bà N không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông C và bà N không có nợ chung.

* *Bị đơn bà Phạm N* đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà Ngọc vắng mặt không lý do, không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hay văn bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến của bà Ngọc.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Chung C và bà Phạm N là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Bị đơn bà Phạm N có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Phạm Viết Chánh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Phạm N tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 09/6/2022 và lần thứ hai vào ngày 30/6/2022 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Phạm Mỹ N.

Nguyên đơn ông Chung C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 83 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2007 thể hiện hôn nhân giữa ông Chung C và bà Phạm N là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời khai của ông C, thời gian đầu chung sống ông và bà N sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến nay, ông C và bà N đã không còn sống chung với nhau. Trong suốt quá trình tố tụng, ông C xác định không còn tình cảm với bà N.

Tại Công văn số 77/UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh: Từ tháng 4 năm 2021 bà Ngọc và ông Cường không còn chung sống tại địa chỉ: Phạm Viết Chánh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cho thấy hôn nhân giữa ông C và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy ông C có nguyện vọng xin được ly hôn với bà N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh và Công văn số 77/UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Ông Chung C và bà Phạm N có 02 con chung tên Chung T, sinh ngày 11/10/2008, Chung P, sinh ngày 04/11/2011.

Ông Chung C khai hiện 02 trẻ Chung T, sinh ngày 11/10/2008, Chung P, sinh ngày 04/11/2011 đang sống cùng ông tại địa chỉ: Phạm Viết Chánh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 12/5/2022, hai trẻ: Chung T, Chung P đều có nguyện vọng được ở với ông Chung C. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Cường là chính đáng, phù hợp nguyện vọng của hai trẻ T và P, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông Chung C khai ông và bà Phạm N không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông Chung C khai ông và bà Phạm N không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông Chung C phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 2 Điều 227, các Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chung C.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Chung C và bà Phạm N.

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Chung T, sinh ngày 11/10/2008, Chung P, sinh ngày 04/11/2011 cho ông Chung C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu bà Phạm N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung: Ông Chung C khai ông và bà Phạm N không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Chung C khai ông và bà Phạm N không có nợ chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông Chung C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Cường đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0089539 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Chung C và bà Phạm N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường 19, quận Bình Thạnh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ái Long